TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2052/2017/DS-ST.

Ngày: 14-11-2017.

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước.

2. Bà Nguyễn Kim Yến.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 596/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 04 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 498/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 381/2017/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng V..**

Địa chỉ: LH, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông N.V.T, địa chỉ: CH, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 740/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 23/03/2017) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **D.T**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: DBL, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Ngân hàng V. có ông N.V.T làm đại diện trình bày*:

Ngân hàng V. (Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng V) có phê duyệt cho bà D.T vay tiêu dùng số tiền là 52.500.000 đồng, đã bao gồm tiền phí bảo hiểm là 2.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013. Theo đó, hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay hàng tháng là 2,5%/tháng, khoản trả hàng tháng là 2.229.000 đồng theo phương thức trả góp, thời hạn cho vay 36 tháng.

Ngân hàng V đã tiến hành giải ngân số tiền vay 50.000.000 đồng vào tài khoản của bà D.T ngày 03/01/2014 và tiền phí bảo hiểm 2.500.000 đồng cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA theo đúng thỏa thuận hợp đồng. Tuy nhiên, bà D.T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ hàng tháng theo thỏa thuận. Cho đến ngày 08/7/2015, bà D.T đã thanh toán tổng cộng 16 lần là 35.664.000 đồng và không tiếp tục thanh toán cho các kỳ còn lại.

Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện bà D.T yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 34.738.024 đồng và tiền lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013 và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong nợ, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn bà D.T* đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D.T không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà D.T.

* *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh*: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án tuân theo quy định của pháp luật và thụ lý đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền tranh tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà D.T. trả số tiền còn thiếu tổng cộng là 44.563.255

đồng theo Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013, tiền lãi tiếp tục phát sịnh trên tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng V. khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà D.T, thường trú DBL, Phường 26, quận Bình Thạnh.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 874/2017/QĐ-CCTLCC ngày 03 tháng 5 năm 2017, Công an Phường 26, quận Bình Thạnh xác định: *Bà D.T có hộ khẩu thường trú tại DBL, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ*. Hơn nữa, bên vay bà D.T là một bên trong quan hệ hợp đồng thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ mà không thông báo cho bên cho vay là Ngân hàng V biết về nơi cư trú mới là không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, xác định bà D.T cố tình giấu địa chỉ, có địa chỉ cuối cùng là DBL, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn D.T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa. Xét thấy bà D.T vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà D.T.

Tại Biên bản ngày 31/8/2017, Ngân hàng V xác nhận việc cho bà D.T vay để tiêu dùng cá nhân nên chỉ yêu cầu cá nhân bà D.T phải có trách nhiệm trả các khoản nợ còn thiếu, không yêu cầu trách nhiệm liên đới vợ chồng bà D.T. Xét bà D.T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn đối với bà D.T nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Do đó, Tòa án không triệu tập chồng bà D.T tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông NVT, đại diện nguyên đơn Ngân hàng V, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 07/11/2017 nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông NVT.

[3] Nội dung yêu cầu khởi kiện:

Ngân hàng V khởi kiện bà D.T yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu là 44.563.255 đồng (Tiền gốc là 34.738.024 đồng, tiền lãi là 9.825.231 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013 và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả xong nợ, không yêu cầu phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng V. hoạt động các lĩnh vực tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (mã số doanh nghiệp: 0100233583) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp; đồng thời, Ngân hàng V. - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong những ngành nghề theo uỷ quyền của Ngân hàng V. theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013, Ngân hàng V và bà D.T thỏa thuận: Ngân hàng V cho bà D.T vay tiêu dùng là 52.500.000 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng), đã bao gồm tiền phí bảo hiểm tiền vay là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm trăm ngàn đồng); bà D.T có nghĩa vụ trả tiền vay hàng tháng là 2.229.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng) trong thời hạn 36 tháng, lãi suất 2,5%/tháng, bắt đầu trả từ ngày 03/02/2014. Hai bên có thỏa thuận về phạt chậm trả, không thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất hàng tháng theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13 (Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11) và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng đã cam kết, Ngân hàng V đã chuyển số tiền vay theo thoả thuận là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của bà D.T số 59069462 mở tại Ngân hàng V ngày 03/01/2014 và đã chuyển tiền phí bảo hiểm tiền vay là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA theo yêu cầu của bà D.T tại Văn bản xác nhận số 1641/CV-AA/BHCN ngày 12/10/2017 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA nên tổng số tiền vay mà Ngân hàng V đã chuyển là phù hợp với Điều 2, Điều 3 và Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072.

Bà D.T đã thực hiện trả 16 lần cho Ngân hàng V tổng cộng là 35.664.000 đồng (Ba mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi tư ngàn đồng) trong đó, tiền gốc là 17.761.976 đồng, tiền lãi là 17.902.024 đồng. Từ sau ngày 08/7/2015, bà D.T không tiếp tục trả tiền cho các kỳ còn lại (có kỳ trả nợ cuối cùng ngày 03/01/2017) là vi phạm khoản 7.1 Điều 7 của hợp đồng, nên căn cứ Điều 2, Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 và lịch trả nợ, có đủ cơ sở buộc bà D.T phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn không yêu cầu tiền phạt chậm trả theo khoản 4.2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2014 và tiền lãi phát sinh đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật là tự nguyện, có lợi cho người vay là bà D.T nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Căn cứ thỏa thuận hợp đồng và lịch trả nợ, thứ tự ưu tiên thanh toán hàng tháng là tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo lãi suất 2,5%/tháng và một phần tiền gốc sao cho số tiền phải thanh toán hàng tháng là 2.229.000 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi chín ngàn đồng). Theo Bảng tính lãi, tiền lãi phải trả của kỳ đầu tiên từ ngày giải ngân 03/01/2014 cho đến ngày phải trả 03/02/2014 (Là 01 tháng) là 52.500.000 đồng x 2,5%/tháng = 1.312.500 đồng (Một triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng), tiền gốc phải trả kỳ đầu tiên 2.229.000 đồng - 1.312.500đồng = 916.500 đồng (Chín trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng), dư nợ gốc mới 52.500.000 đồng - 916.500 đồng = 51.583.500 đồng (Năm mươi mốt triệu năm trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng). Đối với kỳ thứ hai, tiền lãi phải trả là 51.583.500 đồng x 2,5%/tháng = 1.289.588 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi chín ngàn năm trăm tám mươi tám đồng). Tương tự tính cho các kỳ tiếp theo, tiền lãi và tiền gốc phải trả của các kỳ tiếp theo đều phù hợp với bảng tính lãi được tính theo lãi suất 2,5%/tháng. Tổng tiền lãi phải trả của 36 tháng vay là 27.727.255 đồng (Hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn

hai trăm năm mươi lăm đồng). Vậy, số tiền mà bà D.T còn thiếu Ngân hàng V là:

- Tiền vay gốc: 52.500.000 đồng - 17.761.976 đồng = 34.738.024 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn hai mươi bốn đồng).

- Tiền lãi phát sinh: 27.727.255 đồng - 17.902.024 đồng = 9.825.231 đồng (Chín triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi mốt đồng).

Tổng số tiền gốc và tiền lãi mà bà D.T còn thiếu Ngân hàng V là 34.738.024 đồng + 9.825.231 đồng = 44.563.255 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm năm mươi lăm đồng).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà D.T trả số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013 tổng cộng là 44.563.255 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm năm mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 34.738.024 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn hai mươi tư đồng) và tiền lãi là 9.825.231 đồng (Chín triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng hai trăm ba mươi mốt đồng).

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn bà D.T phải chịu án phí sơ thẩm là: 44.563.255 đồng x 5% = 2.228.163 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm sáu mươi ba đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 40, Điều 117, Điều 118, Điều 119 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 91/2015/QH13; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V..

Bà D.T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V. làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013 tổng cộng là 44.563.255 đồng (Bốn mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm năm mươi lăm đồng), trong đó tiền gốc là 34.738.024 đồng (Ba mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn hai mươi bốn đồng) và tiền lãi là 9.825.231 đồng (Chín triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm ba mươi mốt đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng V. không yêu cầu tiền phạt chậm trả và tiền lãi phát sinh cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà D.T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc còn thiếu theo lãi suất do hai bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20131230-500000-0072 ngày 31/12/2013 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán xong tiền nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 2.228.163 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi tám ngàn một trăm sáu mươi ba đồng) bà D.T phải chịu.

2.2. Hoàn cho Ngân hàng V. số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.114.000 đồng (Một triệu một trăm mười bốn ngàn đồng) theo Biên lai số 0034618 ngày 03/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, và thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thúy Vân